

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E504

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 19/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0105	Nguyễn Thu	Hà	6/1/2000			
2	TA0106	Phạm Thu	Hà	13/12/2000			
3	TA0107	Trần Thị Thu	Hà	25/9/2000			
4	TA0108	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999			
5	TA0109	Dương Long	Hải	12/6/2000			
6	TA0110	Hoàng Long	Hải	14/12/2000			
7	TA0111	Lê Anh	Hải	2/10/2000			
8	TA0112	Lê Thanh	Hải	12/10/1999			
9	TA0113	Lê Văn	Hải	2/11/1999			
10	TA0114	Lô Văn	Hải	10/8/1998			
11	TA0115	Nguyễn Xuân	Hải	27/7/2000			
12	TA0116	Lê Thị Việt	Hằng	14/4/2000			
13	TA0117	Ngô Thuý	Hằng	1/5/2000			
14	TA0118	Nguyễn Thanh	Hằng	2/11/2000			
15	TA0119	Nguyễn Đức	Hạnh	24/9/2000			
16	TA0120	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	19/1/2000			
17	TA0121	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	21/5/2000			
18	TA0122	Trần Đức	Hạnh	14/7/1999			
19	TA0123	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	20/11/1999			
20	TA0124	Đào Thanh	Hào	23/11/1999			
21	TA0125	Hoà Thị	Hiền	7/11/1999			

22	TA0126	Ngô Thị	Hiền	3/11/1999			
23	TA0127	Nguyễn Thanh	Hiền	27/1/1999			
24	TA0128	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/8/2000			
25	TA0129	Nguyễn Thu	Hiền	16/1/2000			
26	TA0130	Vương Ngọc	Hiền	30/1/1999			
27	TA0131	Phan Thị	Hiền	10/6/2000			
28	TA0132	Đỗ Đức	Hiếu	9/5/1999			
29	TA0133	Đỗ Trung	Hiếu	11/11/2000			
30	TA0134	Lại Minh	Hiếu	5/1/2000			
31	TA0135	Nguyễn Hữu	Hiếu	7/4/2000			
32	TA0136	Nguyễn Minh	Hiếu	2/2/2000			
33	TA0137	Nguyễn Trung	Hiếu	15/5/2000			
34	TA0138	Nguyễn Văn	Hiếu	23/10/2000			
35	TA0139	Trương Trọng	Hiếu	31/10/2000			
36	TA0140	Nguyễn Xuân	Hình	1/10/1999			
37	TA0141	Nguyễn Thị	Hoa	9/4/2000			
38	TA0142	Nguyễn Thuý	Hoà	13/1/2000			
39	TA0143	Chu Thị Khánh	Hòa	14/7/2000			
40	TA0144	Nguyễn Thị	Hòa	9/2/2000			
41	TA0145	Phùng Thị Thu	Hoài	12/1/2000			
42	TA0146	Bùi Huy	Hoàng	21/5/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)